

Số: 363/2023/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 10 tháng 5 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định định mức phân bổ và nội dung chi, định mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ MƯỜI BA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Xét Tờ trình số 67/TTr-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức phân bổ và nội dung chi, định mức chi kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp; Báo cáo thẩm tra số 293/BC-BPC ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức phân bổ kinh phí và nội dung chi, định mức chi bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật:

STT	Loại văn bản	Cấp ban hành	Định mức phân bổ (đồng/dự thảo)	
			Nghị quyết	Quyết định
a)	Dự thảo Văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế	Cấp tỉnh	30.000.000	20.000.000
		Cấp huyện	15.000.000	10.000.000
		Cấp xã	10.000.000	8.000.000
b)	Dự thảo Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều	Cấp tỉnh	24.000.000	16.000.000
		Cấp huyện	12.000.000	8.000.000
		Cấp xã	8.000.000	6.400.000

2. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật cấp tỉnh (bao gồm cả kinh phí họp, nhận xét, báo cáo và các công việc khác liên quan đến công tác thẩm định, thẩm tra) nằm trong định mức phân bổ đối với từng loại văn bản quy định tại khoản 1 Điều này và được quy định cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Mức kinh phí (đồng/đề nghị, dự thảo)
1	Thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	3.700.000
2	Thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	
a)	Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế	2.000.000
b)	Thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều	1.500.000
c)	Thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế	2.000.000
d)	Thẩm định dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều	1.500.000
3	Thẩm tra dự thảo văn bản quy phạm pháp luật	
a)	Thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành mới hoặc thay thế	2.000.000
b)	Thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều	1.500.000

3. Kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân và dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã

Thủ trưởng cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định mức kinh phí thẩm định, thẩm tra trong định mức phân bổ cụ thể đối với từng loại văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại khoản 1 Điều này nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/dự thảo đối với văn bản quy phạm pháp luật ban hành mới hoặc thay thế; không quá 1.500.000 đồng/dự thảo đối với văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều.

Điều 3. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội; tập hợp, rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

3. Dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số sang tiếng Việt; dịch, hiệu đính tài liệu dịch, văn bản tiếng Việt sang tiếng nước ngoài, tiếng dân tộc thiểu số.

4. Lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

5. Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật.

6. Đánh giá tác động của chính sách trong đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật; xây dựng báo cáo lồng ghép vấn đề bình đẳng giới (nếu có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới); xây dựng bản đánh giá thủ tục hành chính (nếu có quy định thủ tục hành chính).

7. Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học (trong trường hợp cần thiết).

8. Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định; văn bản góp ý.

9. Chính lý, hoàn thiện các loại đề cương, tờ trình, báo cáo, dự thảo văn bản.

10. Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Điều 4. Định mức chi cho các nội dung trong các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Một số định mức chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật như sau:

STT	Nội dung chi	Mức chi
I	Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	
1	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	1.500.000 đồng/đề cương
2	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	950.000 đồng/đề cương
II	Chi soạn thảo văn bản đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	

STT	Nội dung chi	Mức chi
1	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	4.800.000 đồng/dự thảo văn bản
2	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	4.000.000 đồng/dự thảo văn bản
III	Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật	
1	Tờ trình đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	3.000.000 đồng/tờ trình
2	Bản tổng hợp, báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân	
a)	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	900.000 đồng/ bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	600.000 đồng/ bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý
3	Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, thành viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân	
a)	Văn bản ban hành mới hoặc thay thế	500.000 đồng/báo cáo
b)	Văn bản sửa đổi, bổ sung một số điều	300.000 đồng/báo cáo
4	Báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh	8.000.000 đồng/báo cáo

STT	Nội dung chi	Mức chi
5	Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo (nếu trong dự thảo có quy định liên quan đến vấn đề bình đẳng giới) đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	2.000.000 đồng/báo cáo
6	Bản đánh giá thủ tục hành chính trong dự thảo văn bản (nếu trong dự thảo có quy định thủ tục hành chính) đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	2.000.000 đồng/bản đánh giá thủ tục hành chính
7	Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	4.000.000 đồng/báo cáo
8	Báo cáo kinh nghiệm nước ngoài liên quan đến đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	3.000.000 đồng/báo cáo
9	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật	
a)	Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp	6.800.000 đồng/báo cáo
b)	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi Ủy ban nhân dân tỉnh	5.000.000 đồng/báo cáo
c)	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện	1.800.000 đồng/báo cáo
d)	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật theo chuyên đề, Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật đột xuất	10.000.000 đồng/báo cáo

STT	Nội dung chi	Mức chi
đ)	Báo cáo tình hình xử lý kiến nghị sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản quy phạm pháp luật	5.000.000 đồng/báo cáo
IV	Soạn thảo văn bản góp ý; báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản của cơ quan thẩm định, thẩm tra	
1	Văn bản góp ý đối với đề nghị xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân	500.000 đồng/văn bản
2	Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra đối với đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân	1.500.000 đồng/báo cáo
V	Chỉnh lý, hoàn thiện đề cương nghiên cứu, các loại báo cáo, tờ trình văn bản, dự thảo văn bản đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	300.000 đồng/lần chỉnh lý
VI	Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo	
1	Tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị phục vụ công tác xây dựng dự kiến chương trình, soạn thảo, đánh giá tác động, góp ý, thẩm định, thẩm tra văn bản; điều tra, khảo sát; theo dõi, đánh giá về tình hình thi hành pháp luật	
a)	Chủ trì	150.000 đồng/người/cuộc họp
b)	Các thành viên tham dự	100.000 đồng/người/cuộc họp
c)	Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự đối với Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, Quyết định của Ủy ban nhân dân	400.000 đồng/văn bản
2	Tham dự cuộc họp báo công bố các văn bản quy phạm pháp luật đã được cấp có thẩm quyền ký ban hành	

STT	Nội dung chi	Mức chi
a)	Chủ trì	150.000 đồng/người/cuộc họp
b)	Các thành viên tham dự	70.000 đồng/người/cuộc họp
VII	Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập (Trong trường hợp đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; tờ trình, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp phải lấy ý kiến tư vấn, phản biện của các chuyên gia độc lập)	1.500.000 đồng/văn bản

2. Trường hợp cơ quan thẩm định, thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật thuộc diện hưởng kinh phí cho hoạt động thẩm định, thẩm tra đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật quy định tại các văn bản khác nhau với các mức khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất.

3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 1 Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

4. Mức chi tại khoản 1 Điều này là mức chi tối đa, căn cứ kinh phí thực hiện chế độ tự chủ hàng năm, thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật quyết định thực hiện chi tiêu cho các nội dung công việc với mức chi phù hợp, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, không vượt quá định mức phân bổ kinh phí quy định tại Điều 2 Nghị quyết này.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm giao cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành và được bố trí trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của các cơ quan, đơn vị (kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ).

2. Nguồn vốn hỗ trợ từ các dự án, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước thực hiện theo quy định, cam kết của nhà tài trợ, trường hợp không có quy định, cam kết của nhà tài trợ thì áp dụng nội dung chi, mức chi quy định tại Nghị quyết này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, kỳ họp thứ Mười ba nhất trí thông qua ngày 10 tháng 5 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2023 và thay thế Nghị quyết số 157/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực: HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp (CSDLQG về pháp luật);
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn